

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 106/2024/DS-PT
Ngày 02 - 5 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhiên.

Các Thẩm phán: Ông Lê Quang Tấn

Ông Trần Bá Kha

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Bà Đào Thị Ngọc Trâm - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 34/2024/TLPT-DS ngày 29 tháng 02 năm 2024, về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 08/2024/DS-ST ngày 25/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 49/2024/QĐ-PT ngày 06 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Huỳnh Quốc N, sinh năm 1975; địa chỉ: Ấp E, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông N: Chị Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1996; địa chỉ: khóm C, thị trấn M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn anh Huỳnh Quốc N:
Luật sư Võ Thị Băng G - Văn phòng L1, thuộc đoàn Luật sư tỉnh Đ; địa chỉ liên hệ: Số B đường N, khóm M, thị trấn M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1941 (chết ngày 07/3/2024); địa chỉ: Tổ B, ấp K, xã K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn H gồm có:

1. Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1978 (con chung của ông H và bà Nguyễn Thị H1 đã ly hôn); địa chỉ: khóm V, xã X, huyện C, tỉnh An Giang (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Chị Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1978 1970 (con chung của ông H và bà Nguyễn Thị H1 đã ly hôn), (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Anh Nguyễn Minh Q, sinh năm 1987 (con chung của ông H và bà Nguyễn Thị H1 đã ly hôn) (có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp E, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Minh Q: Ông Lê Thịnh V, sinh năm 1976; địa chỉ: Khóm V, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang, giấy ủy quyền ngày 17/4/2024 (có mặt).

4. Bà Đinh Thị Đức S, sinh năm 1988 (vợ thứ 2 của ông Nguyễn Văn H).

5. Cháu Nguyễn Thị Mỹ X, sinh ngày 15/11/2014 (con chung của ông Nguyễn Văn H2 và bà Đinh Thị Đức S).

6. Cháu Nguyễn Văn K, sinh ngày 13/9/2019 (con chung của ông Nguyễn Văn H2 và bà Đinh Thị Đức S).

Cùng địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Người giám hộ của cháu Nguyễn Thị Mỹ X và cháu Nguyễn Văn K: Bà Đinh Thị Đức S; địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện K, tỉnh Kiên Giang, là mẹ ruột của cháu X và cháu K (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Huỳnh Nhật N1, sinh năm 2001 (vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ D1, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp E, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Người đại diện theo ủy quyền của anh N1 và bà D1: Chị Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1996; địa chỉ: ấp E xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. (Theo văn bản ủy quyền ngày 31/7/2023 và ngày 14/11/2023), (có mặt).

- Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy L trình bày:

Anh **Huỳnh Quốc N** là con rể của ông **Nguyễn Văn H**, ông **H** có một số tài sản là quyền sử dụng đất nhờ người thân đứng tên giùm và sử dụng quyền sử dụng (QSD) đất này làm tài sản thế chấp cho khoản vay tín dụng của Ngân hàng cho người thân nhưng không có khả năng thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện và Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang đã cưỡng chế kê biên QSD đất để thi hành án trả nợ vay cho Ngân hàng. Lúc này ông **H** kêu anh **N** đưa tiền ra để chuyển nhượng lại phần đất bị kê biên và kêu anh **N** chuyển tiền cho ông **H** để chuyển nhượng lại phần đất bị Chi cục Thi hành án kê biên rồi sau đó ông **H** sẽ làm thủ tục đánh biến động sang tên các QSD đất cho anh **N**. Do nghĩ là cha, con nên anh **N** tin tưởng và đồng ý chuyển tiền cho ông **H**. Sau đó, do anh **N** bị bệnh không thể đi ra Ngân hàng chuyển tiền được nên anh **N** có nhờ con trai tên là **Huỳnh Nhật N1** đi chuyển tiền cho ông **H** giùm. Vào ngày 07/10/2020, cháu **N1** đi ra Ngân hàng chuyển tiền cho ông **H** số tiền là 3.640.000.000đồng (Ba tỷ sáu trăm bốn mươi triệu đồng) để ông **H** nộp cho Cơ quan Thi hành án trả nợ vay cho Ngân hàng để các thửa đất của ông **H** không bị kê biên.

Tuy nhiên, sau khi ông **H** trả tiền và các thửa đất của ông **H** không bị kê biên thì ông **H** lại không thực hiện thủ tục chuyển tên QSD đất cho anh **N** đứng tên như đã thỏa thuận. Anh **N** nhiều lần yêu cầu nhưng ông **H** cứ hứa hẹn nhiều lần rồi không thực hiện, có yêu cầu ông **H** trả tiền lại nhưng ông **H** cũng không trả.

Tiền lãi tạm tính với lãi suất 1,66%/tháng đối với số tiền 3.640.000.000đồng từ ngày 07/10/2020 đến ngày 01/08/2023 là 33 tháng 25 ngày. Tiền lãi tạm tính là 2.044.345.333 đồng (Hai tỷ không trăm bốn mươi bốn triệu ba trăm bốn mươi lăm ngàn ba trăm ba mươi ba đồng).

Nay anh **N** yêu cầu buộc ông **Nguyễn Văn H** phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho anh **N** số tiền là 3.640.000.000đồng (Ba tỷ sáu trăm bốn mươi triệu đồng) và tiền lãi tạm tính là 2.044.345.333đồng (Hai tỷ không trăm bốn mươi bốn triệu ba trăm bốn mươi lăm ngàn ba trăm ba mươi ba đồng). Tổng cộng ông **H** phải trả cho anh **N** số tiền là 5.684.345.333 (Năm tỷ sáu trăm tám mươi bốn triệu ba trăm bốn mươi lăm ngàn ba trăm ba mươi ba đồng).

Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại tiền gốc là 3.640.000.000 đồng (Ba tỷ sáu trăm bốn mươi triệu đồng) và rút một phần yêu cầu tính lãi, đại diện nguyên đơn yêu cầu tính lãi với mức lãi suất là 0,83%/tháng trên số tiền gốc, tính lãi từ ngày 12/8/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 25/01/2024 với số tiền là 164.151.866 đồng.

*** Theo biên bản lấy lời khai và lời trình bày tại biên bản hòa giải bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:**

Ông H thừa nhận ngày 07/10/2020 ông có nhận số tiền là 3.644.800.000đ do cháu Huỳnh Nhật N1 (cháu ngoại ông H) chuyển qua cho ông, số tiền này là chính anh N (con rể ông H) và chị Nguyễn Thị Mỹ D1 (con gái ông H) nói là cho ông chứ không phải là cho vay như ông N đã trình bày. Đến ngày 12/8/2023 anh N, chị D1 có qua nhà gặp ông H và đề cập về số tiền 3.644.800.000đ và nói là cho ông H mượn, thì ông cũng đồng ý trả lại số tiền, nhưng do khi đó ông H không có tiền mặt nên có kêu anh N, chị D1 lấy 100 công đất, tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện K, tỉnh Kiên Giang, nằm trong 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do 02 vợ chồng anh N, chị D1 đứng tên đất này. Đất này trước kia ông nhận chuyển nhượng từ chủ cũ, nhưng do hạn mức nhận chuyển nhượng lúc đó chỉ được có tối đa là 50 công nên ông H mới mượn 02 vợ chồng anh N, chị D1 đứng tên. Nếu thực sự vợ chồng anh N, chị D1 cho ông H mượn tiền thì phải có giấy mượn tiền hay văn bản nào khác thể hiện là ông H có mượn tiền, nhưng nay chỉ có giấy chuyển khoản và không có nội dung. Nay ông H không đồng ý trả số tiền như nguyên đơn yêu cầu, bởi ông H đã trả cho nguyên đơn anh N, chị D1 là 100 công đất ruộng rồi nên không còn nợ tiền của nguyên đơn anh N và chị D1 nữa.

Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện theo ủy quyền của ông H trình bày:

Ông H không thừa nhận biên bản lấy lời khai ngày 25/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, bởi vì khi lấy lời khai chỉ có một mình thư ký Lê Xuân C ghi biên bản mà không có Thẩm phán và đại diện chính quyền địa phương. Mặc khác, ông H lớn tuổi, sức khỏe yếu, mới phẫu thuật xong, tinh thần không được minh mẫn nên không có giá trị pháp lý. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì ông H không đồng ý vì việc chuyển tiền là do con rể và con gái ruột tặng cho chứ không phải vay, mượn.

Ngày 12/8/2023, do ông H mới đi bệnh viện phẫu thuật về nhưng anh N, chị D1 đến nhà nói số tiền 3.640.000.000 đồng là cho vay và đòi lại do tức giận nên ông H mới nói đổi 100 công đất nhờ vợ chồng anh N, chị D1 đứng tên giùm để trừ nợ. Nay bình tĩnh lại nên ông H không thừa nhận lời nói đó và sắp tới sẽ khởi kiện bằng một vụ kiện khác để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

*** Theo văn bản trình bày ý kiến và lời trình bày tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Mỹ D1 là chị Nguyễn Thị Thùy L trình bày:**

Ông H là cha vợ của anh N và là cha ruột của chị D1. Trước đây, ông H có các thửa đất gồm: Thửa số 54, diện tích 24.960m²; Thửa số 55, diện tích 24.960 m²; Thửa 56, diện tích 24.960 m²; Thửa 57, diện tích 24.960m² và Thửa 50, diện tích 24.960 m²; Thửa 51, diện tích 24.960 m²; Thửa 52, diện tích 24.960m² cùng tờ bản đồ số 18 cùng tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện K, tỉnh Kiên Giang nhưng ông H không đứng tên quyền sử dụng đất mà nhờ bà Nguyễn Thị T, ông Lê Văn X1, Đinh Văn B, Lê Tuấn K1 đứng tên giữ. Sau đó, ông H kêu bà T, ông X1, ông B và K1 ký tên để thế chấp các tài sản nêu trên cho Ngân hàng để vay tiền.

Do nợ tiền của Ngân hàng nhưng không có tiền thanh toán cho Ngân hàng nên Ngân hàng khởi kiện được Tòa án giải quyết bằng bản án và sau đó Chi cục thi hành án huyện Kiên Lương đã tiến hành kê biên các thửa đất nêu trên để thi hành án. Ông H có nhiều lần gọi để kêu anh N và chị D1 chi tiền ra để chuyển nhượng lại phần đất bị kê biên và ông H sẽ chuyển tên quyền sử dụng đất cho anh N, chị D1 đứng tên. Do nghĩ là cha con nên anh N tin tưởng và đồng ý chuyển tiền cho ông H. Tại thời điểm đó thì anh N bị bệnh không trực tiếp đi chuyển tiền cho ông H nên anh N có nói với chị D1 kêu con trai tên là Huỳnh Nhật N1 đi chuyển tiền cho ông H. Ngày 07/10/2020, cháu N1 đi ra Ngân hàng chuyển tiền cho ông H số tiền là 3.640.000.000đồng (Ba tỷ, sáu trăm bốn mươi triệu đồng), do nghĩ là người thân trong gia đình nên khi chuyển tiền cháu N1 không để nội dung chuyển khoản là gì.

Tuy nhiên, sau khi ông H trả số tiền phải thi hành án và các thửa đất của ông H không bị kê biên thì ông H lại không thực hiện thủ tục chuyển tên quyền sử dụng đất cho anh N, chị D1 đứng tên quyền sử dụng đất như đã thỏa thuận. Sau đó, anh N có nhiều lần yêu cầu ông H nếu không chuyển tên quyền sử dụng đất cho anh N thì ông H phải trả lại số tiền đã mượn cho anh N và ông H cũng đã hứa hẹn nhiều lần nhưng không thực hiện.

Đối với việc ông H cho rằng “số tiền anh N chuyển khoản nêu trên là anh N tự nguyện cho ông H và khi anh N đòi thì ông H đã trả bằng cách để anh huỳnh Quốc N2 và con gái tên Nguyễn Thị Mỹ D1 đứng tên 100 công đất của ông H”, lời trình bày này của ông H là không đúng sự thật, bởi vì đối với phần đất mà ông H cho rằng đưa cho anh N2 đứng tên thực chất đó là đất của anh N2 và chị D1 nhận chuyển nhượng từ người khác và được đứng tên quyền sử dụng đất vào năm 2008, không phải đất của ông H như ông H trình bày.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của chị D1 yêu cầu Hội đồng xét xử tuyên buộc ông H phải trả số tiền 3.640.000.000đ cho anh Huỳnh

Quốc N.

* Theo văn bản trình bày ý kiến và lời trình bày tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu **Huỳnh Nhật N1** là chị **Nguyễn Thị Thùy L** trình bày:

Cháu **Huỳnh Nhật N1** là con của anh **N** và chị **D1** cũng là cháu ngoại của ông **H**. Vào khoảng năm 2020, ông **H** có mượn của anh **N** số tiền là 3.640.000.000đ để trả nợ cho Ngân hàng, do lúc đó anh **N** bị bệnh không trực tiếp đi chuyển tiền cho ông **H** được, nên anh **N** có nói với chị **D1** kêu cháu **Nhật N1** đi chuyển tiền cho ông **H** giúp anh **N**. Vào ngày 07/10/2020 cháu **Nhật N1** đi ra Ngân hàng chuyển khoản cho ông **H** số tiền là 3.640.000.000đ, do nghĩ là người thân trong gia đình nên khi chuyển tiền cháu **Nhật N1** không để nội dung chuyển khoản là tiền gì.

Việc ông **H** mượn tiền của anh **N** thì cháu **Nhật N1** có biết vì anh **N** nhiều lần đến nhà ông **H** và gọi điện thoại để kêu ông **H** trả số tiền đã mượn, ông **H** cũng nhiều lần xin anh **N** cho ông **H** số tiền này.

* **Tại bản án dân sự sơ thẩm số 08/2024/DS-ST ngày 25/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:**

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông **Nguyễn Văn H** có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ tổng cộng 3.804.151.866 đồng (trong đó nợ gốc 3.640.000.000đ và lãi 164.151.866 đồng) cho ông **Huỳnh Quốc N**.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu tính lãi với số tiền là 1.880.193.467 đồng do nguyên đơn rút yêu cầu.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm trả và báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 01/02/2024, bị đơn ông **Nguyễn Văn H** có đơn kháng cáo trong hạn luật định với nội dung: Yêu cầu cấp phúc thẩm sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2024/DS-ST ngày 25/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Trong giai đoạn thụ lý phúc thẩm thì anh **Nguyễn Minh Q1** là con của ông **H** có tờ tường trình đề ngày 25/3/2024 và có nội dung như sau:

Cha anh tên **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1941, (chết ngày 15/11/2024) chung sống với mẹ anh tên **Nguyễn Thị H1**, sinh năm 1943. Trong quá trình chung sống cha mẹ anh có 03 người con chung: 1. **Nguyễn Văn P**, sinh năm 1970, địa chỉ: **Khóm V, xã V, huyện C, tỉnh An Giang**; 2. **Nguyễn Thị Mỹ D1**, sinh năm 1978; 3. Anh **Nguyễn Minh Q**, sinh năm 1987; cùng địa chỉ: **ấp E, xã T, huyện T, tỉnh Đồng**

Tháp (cha mẹ anh đã ly hôn ngày 06/5/2010). Sau khi ly hôn thì ông **H** cha anh chung sống với bà **Đinh Thị Đức S**, sinh năm 1988, địa chỉ **ấp K, xã K, huyện K, tỉnh Kiên Giang** đến ngày 05/10/2018 mới đăng ký kết hôn và trong quá trình chung sống cha anh và bà **S** có được 02 người con chung đó là: em **Nguyễn Thị Mỹ X**, sinh ngày 15/11/2014 và em **Nguyễn Văn K** sinh ngày 13/9/2019.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bên đương sự đều thống nhất theo lời trình bày của anh **Nguyễn Minh Q** như tờ tường trình ngày 25/3/2024 nói trên.

Người đại diện hợp pháp của anh **N**, chị **D1**, cháu **N1** là chị **Nguyễn Thị Thùy L** và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Luật sư **Võ Thị Băng G** yêu cầu Hội đồng xét xử giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương.

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông **H** là chị **D1**, anh **P**, bà **Đinh Thị Đức S** và cũng là người giám hộ của cháu **X** và cháu **K** xin rút đơn kháng cáo, yêu cầu giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông **H** là anh **Nguyễn Minh Q**, yêu cầu giữ nguyên nội dung kháng cáo của bị đơn ông **H**. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương theo hướng bác đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Huỳnh Quốc N**.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tại phiên tòa phát biểu:

- Về tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự, từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đã thực hiện và chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang, theo hướng buộc những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông **H** gồm có anh **Nguyễn Văn P**, chị **Nguyễn Thị Mỹ D1**, anh **Nguyễn Minh Q**, bà **Đinh Thị Đức S**, cháu **Nguyễn Thị Mỹ X**, cháu **Nguyễn Văn K** có nghĩa vụ trả cho anh **N** số tiền ông **H** đã thiếu anh **N** trong phạm vi di sản thừa kế của ông **H** để lại.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của đương sự, đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm bị đơn ông Nguyễn Văn H kháng cáo Bản án sơ thẩm, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm thì ông H đã chết ngày 07/3/2024 (theo trích lục khai tử ngày 18/3/2024). Ngoài ra các đương sự có cung cấp chứng cứ ông H đã có vợ thứ nhất tên Nguyễn Thị H1, sinh năm 1943 có 03 người con chung đó là: anh Nguyễn Văn P, chị Nguyễn Thị Mỹ D1, anh Nguyễn Minh Q, sau đó ông H và bà H1 đã ly hôn. Sau khi ly hôn thì ông H chung sống với bà Đinh Thị Đức S, đến ngày 05/10/2018 mới đăng ký kết hôn và trong quá trình chung sống ông H và bà S có được 02 người con chung tên là: em Nguyễn Thị Mỹ X, sinh ngày 15/11/2014 và em Nguyễn Văn K sinh ngày 13/9/2019.

Hội đồng xét xử xét thấy ông H chết thì cần đưa những người nói trên vào tham gia tố tụng với tư cách là người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông H mới đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, nên vào ngày 04/9/2024 Tòa án có thông báo số 123/TB-TA thông báo đưa người tham gia tố tụng gồm những người có tên như sau: anh Nguyễn Văn P; chị Nguyễn Thị Mỹ D1; Anh Nguyễn Minh Q, bà Đinh Thị Đức S; em Nguyễn Thị Mỹ X; em Nguyễn Văn K, với tư cách là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông H.

Xét về việc ủy quyền: Trước đây ông H có ủy quyền cho anh Nguyễn Minh Q là con ruột của ông H tham gia tố tụng. Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm ông H làm đơn kháng cáo nhưng trong giai đoạn thụ lý phúc thẩm thì ông H đã chết nên việc ủy quyền giữa ông Nguyễn Văn H và anh Nguyễn Minh Q đã chấm dứt.

Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H về nội dung, quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo đã đúng quy định tại Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết kháng cáo theo trình tự phúc thẩm.

Tại cấp phúc thẩm những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông H gồm anh Nguyễn Văn P, chị Nguyễn Thị Mỹ D1, bà Đinh Thị Đức S xin rút đơn kháng cáo của bị đơn ông H. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy việc rút đơn kháng cáo của các đương sự là tự nguyện, không bị ép buộc, không trái đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử thông nhất đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với việc rút đơn kháng cáo của các đương sự nói trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn anh Huỳnh Quốc N buộc bị đơn Nguyễn Văn H trả số tiền 3.640.000.000đ là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ: Phía nguyên đơn có chứng từ chuyển khoản qua Ngân hàng ngày 07/10/2020 và ông Nguyễn Văn

H cũng thừa nhận có nhận số tiền này, theo trình bày của ông H thì ngày 12/8/2023 anh N, chị D1 có qua nhà gặp ông H và đề cập về số tiền 3.644.800.000đ và nói là cho ông H mượn, thì ông cũng đồng ý trả lại số tiền này. Do đó, cấp sơ thẩm xử buộc ông H trả cho anh N số tiền 3.640.000.000 đồng là có căn cứ phù hợp với quy định Điều 466 Bộ luật dân sự.

[3.2] Xét lời trình bày của ông H về việc do ông H không có tiền mặt nên có kêu anh N, chị D1 lấy 100 công đất; tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện K, tỉnh Kiên Giang, nằm trong 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do 02 vợ chồng anh N, chị D1 đứng tên đất này để trừ số tiền 3.640.000.000đ nhưng phía anh N, chị D1 không thừa nhận. ngược lại, anh N, chị D1 cho rằng các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông H trình bày là do anh N chị D1 nhận chuyển nhượng và đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chứ không phải của ông H. Ngoài ra, phía ông H không cung cấp chứng cứ gì để chứng minh việc anh N, chị D1 đứng tên giùm và thỏa thuận giao lại phần đất này để trừ nợ nên không có cơ sở để xem xét.

[4] Xét lời trình bày của anh Nguyễn Minh Q tại phiên tòa sơ thẩm: Thời điểm cháu N1 chuyển tiền cho ông H là anh N đang bệnh rất nặng nên không thể có chuyện anh N kêu cháu N1 chuyển tiền như nội dung đơn khởi kiện, có chăng là chị D1 kêu cháu N1 chuyển. Vấn đề này không làm ảnh hưởng đến nội dung vụ án. Bởi vì, cấp sơ thẩm có đưa chị D1 vào tham gia tố tụng, trình bày của chị D1 phù hợp với lời trình bày của anh N. Do đó, cháu N1 chuyển tiền theo yêu cầu của ai cũng không làm thay đổi nội dung và bản chất của vụ án.

[5] Xét về yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: Theo lời trình bày của ông H cho rằng số tiền 3.640.000.000 đồng là anh N, chị D1 cho ông H để trả nợ, việc chuyển tiền không ghi nội dung là cho vay tiền, phía nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh thời điểm yêu cầu ông H trả nợ còn phía ông H trình bày đến ngày 12/8/2023 anh N, chị D1 đòi số tiền này mà ông H không có tiền trả nên phát sinh trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ được tính từ ngày 12/8/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp với Điều 357 Bộ luật dân sự, do không có chứng cứ chứng gì để minh vay có lãi. Theo đó, cấp sơ thẩm căn cứ vào khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để tính lãi đối với số tiền gốc mà anh N, chị D1 cho ông H mượn là 3.640.000.000 đồng và được tính từ ngày 12/8/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 25/01/2024 là 5 tháng 13 ngày bằng 164.151.866 đồng. Theo đó, cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 3.640.000.000 đồng và tiền lãi là

164.151.866 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 3.804.151.866 đồng là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn tại giai đoạn phúc thẩm phía bị đơn cũng không có cung cấp thêm chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn như hội đồng xét xử đã nhận định ở phần trên.

Xét về nghĩa vụ trả nợ: Do trong quá trình xét xử phúc thẩm ông H đã chết nên những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông H gồm có: anh Nguyễn Văn P, chị Nguyễn Thị Mỹ D1, anh Nguyễn Minh Q, bà Đinh Thị Đức S, em Nguyễn Thị Mỹ X, em Nguyễn Văn K phải có trách nhiệm trả tiền cho nguyên đơn thay cho ông H số tiền là 3.804.151.866 đồng (trong đó, số tiền gốc là 3.640.000.000 đồng và tiền lãi là 164.151.866 đồng), trả trong phạm vi di sản thừa kế của ông H để lại.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn H, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2024/DS-ST ngày 25/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang, theo hướng buộc những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông H trả nợ cho nguyên đơn số tiền là 3.804.151.866 đồng (trong đó, số tiền gốc là 3.640.000.000 đồng và tiền lãi là 164.151.866 đồng), trả trong phạm vi di sản thừa kế của ông H để lại.

[6] Về án phí:

[3.1] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Yêu cầu của anh Huỳnh Quốc N được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí có giá ngạch đối với số tiền mà buộc ông H phải trả cho anh N là 3.804.151.866 đồng. Tuy nhiên, ông H là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án và ông H có đơn xin miễn án phí nên được miễn tiền án phí theo quy định.

Yêu cầu khởi kiện của anh N được chấp nhận, nên anh N được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp số tiền là 56.842.000 đồng theo biên lai thu số 0001730 ngày 10/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang (do Nguyễn Thị Thùy L nộp thay).

[3.2] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bị đơn ông Nguyễn Văn H kháng cáo không được chấp nhận ông H phải chịu án phí phúc thẩm. Tuy nhiên, ông H là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn H gồm: anh Nguyễn Văn P, chị Nguyễn Thị Mỹ D1, bà Đinh Thị Đức S cũng là người giám hộ của em Nguyễn Thị Mỹ X, em Nguyễn Văn K.

Không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn H, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số thẩm số 08/2024/DS-ST ngày 25/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ các Điều 463, Điều 466, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban thường vụ Q2 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Huỳnh Quốc N về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn ông Nguyễn Văn H.

Buộc những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn H gồm có anh Nguyễn Văn P, chị Nguyễn Thị Mỹ D1, anh Nguyễn Minh Q, bà Đinh Thị Đức S và cũng là người giám hộ cho em Nguyễn Thị Mỹ X và em Nguyễn Văn K có trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn anh Huỳnh Quốc N, số tiền là 3.804.151.866 đồng (*ba tỷ tám trăm lẻ bốn triệu một trăm năm mươi một nghìn tám trăm sáu mươi sáu đồng*). Trong đó, số tiền gốc là 3.640.000.000 đồng (*ba tỷ sáu trăm bốn mươi triệu đồng*) và tiền lãi là 164.151.866 đồng (*một trăm sáu mươi bốn triệu một trăm năm mươi một nghìn tám trăm sáu mươi sáu đồng*), trả trong phạm vi di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn H để lại.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Huỳnh Quốc N về yêu cầu tính lãi với số tiền là 1.880.193.467 đồng do nguyên đơn rút yêu cầu.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên, thì người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí:

3.1. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn H là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định.

Anh Huỳnh Quốc N được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp số tiền là 56.842.000 đồng theo biên lai thu số 0001730 ngày 10/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang (do Nguyễn Thị Thùy L nộp thay).

3.2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bị đơn ông Nguyễn Văn H kháng cáo không được chấp nhận ông H phải chịu án phí phúc thẩm. Tuy nhiên, ông H là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện Kiên Lương;
- THA dân sự huyện Kiên Lương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nhiên